

Số: 37/BC-UBND

Như Quỳnh, ngày 15 tháng 03 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm

Thực hiện quy định tại Công văn số 218/UBND-NV ngày 03/03/2022 của UBND huyện Văn Lâm về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. Ủy ban nhân dân thị trấn Như Quỳnh báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý I năm 2024, cụ thể như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

##### 1. Việc tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC:

Trong quý UBND thị trấn đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 11/01/2024 về CCHC năm 2024; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11/01/2024 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024; kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2024 về phát động phong trào thi đua CCHC năm 2024; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 11/01/2024 về nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2024; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết THHC năm 2024; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 31/01/2024 về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, xây dựng thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh; Công văn số 28/UBND-VP ngày 07/3/2023 về việc khẩn trương thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC và nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2024 và triển khai phát động đến các ngành, đoàn thể, các bộ phận chuyên môn và các cán bộ công chức cùng thực hiện tại cuộc họp thành viên UBND.

##### 2. Công tác tuyên truyền CCHC trong quý:

Việc tuyên truyền trọng tâm vào kết quả thực hiện khai nhiệm vụ CCHC thực hiện theo từng quý, 6 đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024; đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; việc nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công...

- Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC (Nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện).

Đài truyền thanh đã xây dựng chuyên mục tuyên truyền về CCHC được 02 tin bài, truyền thanh 07 lượt để tuyên truyền sâu rộng đến các thôn, phố nhằm nâng cao nhận thức của người dân về công tác CCHC; Ngoài ra, công tác tuyên truyền CCHC còn được thị trấn quan tâm triển khai lồng ghép trong các Hội nghị

giao ban, Hội nghị triển khai nhiệm vụ Kinh tế- xã hội, trong các hội nghị thường kỳ và đột xuất hay các buổi học tập Nghị quyết nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và người lao động. Nội dung tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của UBND các cấp về công tác CCHC, Chỉ thị của Chủ tịch UBND về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn và Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 11/01/2024 về CCHC năm 2024; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 11/01/2024 về nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2024.

- Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ quý I có 75 nhiệm vụ do UBND huyện, chủ tịch UBND huyện giao, đã thực hiện xong 66 nhiệm vụ, còn 09 nhiệm vụ đang thực hiện trong thời hạn quy định.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế:**

- Tiến hành kiểm soát các văn bản do HĐND, UBND ban hành. Nâng cao chất lượng thẩm định trong hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trong quý I chưa có văn bản QPPL được ban hành

- Tình hình triển khai và kết quả xây dựng văn bản QPPL: số lượng Văn bản được ban hành trong quý I: Tổng số văn bản ban hành 225, trong đó: Báo cáo 24; Quyết định 105; Tờ trình 20; Kế hoạch 44; Công văn 29; Thông báo 27 và một số các văn bản khác. Các văn bản được ban hành theo đúng quy định về trình tự, thể thức, đúng thẩm quyền và đúng luật. Không có văn bản ban hành trái pháp luật. Quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, phát huy tính dân chủ, quyền giám sát của nhân dân khi xây dựng thể chế, chính sách của địa phương.

- Quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL đảm bảo đúng Luật ban hành văn bản; phát huy tính dân chủ, quyền giám sát của nhân dân khi xây dựng thể chế, chính sách của địa phương; công chức Tư pháp căn cứ chức năng nhiệm vụ tham mưu UBND về kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL; theo dõi việc thi hành pháp luật.

- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản QPPL tại đơn vị: tính đến ngày 15/03/2024, HĐND, UBND thị trấn chưa có các văn bản QPPL.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

- Công chức đầu mối thực hiện kiểm soát TTBC: UBND đã tham mưu Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 về ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính địa bàn thị trấn Như Quỳnh năm 2024 dựa trên kế hoạch của huyện và phù hợp với chức năng của thị trấn. Hiện nay số thủ tục hành chính được công bố mới nhất là 116 thủ tục, UBND thị trấn đang dự kiến thực hiện niêm yết công khai bằng mã QR cho từng lĩnh vực và bằng tra cứu điện tử tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của thị trấn.

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ tại bộ phận Một cửa của UBND thị trấn. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong

trào thi đua “Cán bộ, Công chức thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025

- Tình hình giải quyết TTHC tại bộ phận TN&TKQ: Trong quý I đã tiếp nhận 1058 hồ sơ thủ tục hành chính, đã xử lý giải quyết 1055 hồ sơ, còn 03 hồ sơ đang giải quyết trong hạn), kết quả giải quyết hoàn thành đúng hạn 100%. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phát huy có hiệu quả việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính đem lại những lợi ích rất rõ nét cả về công tác chỉ đạo điều hành, hoạt động chuyên môn cũng như phục vụ nhu cầu của công dân.

- Đề nghị rút ngắn quá trình giải quyết TTHC trong nội bộ đơn vị đối với các lĩnh vực Nội vụ; lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội; lĩnh vực Hành chính-Tư pháp, lĩnh vực Văn hóa; lĩnh vực Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; lĩnh vực Xây dựng; lĩnh vực Y tế gồm 49 quy trình giải quyết rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 đến 30%.

- Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại bộ phận một cửa, tính đến thời điểm báo cáo UBND thị trấn chưa nhận được phản ánh, kiến nghị nào về nội dung, quy trình giải quyết TTHC.

- Số thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền chỉnh sửa, bổ sung là 0 thủ tục

- Việc công bố, cập nhật TTHC: Số lượng TTHC được rà soát cập nhật theo bộ TTHC mới được UBND tỉnh ban hành 116 thủ tục, được niêm yết công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của thị trấn.

+ Chất lượng giải quyết TTHC đảm bảo tốt, người dân hài lòng khi đến liên hệ giải quyết công việc liên quan đến TTHC. Trong Quý I thị trấn chưa có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Công tác bố trí công chức đảm bảo đúng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu của công việc

- Thực hiện và quản lý về định mức biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách đúng theo quy định của UBND tỉnh, hiện tại thị trấn thiếu 02 cán bộ (Phó Chủ tịch UBND và Bí thư Đoàn thanh niên); Công chức thiếu 02 đ/c (Địa chính đất đai và Văn hóa xã hội).

- Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức: Trình độ chuyên môn trên Đại học là 03 = 16,7%, Đại học là 13/18 = 72,2%, Trung cấp là 02/18 = 11,1%. Trình độ chính trị: Cao cấp là 02/18 = 11,1%, Trung cấp là 13/18 = 61,1%, Sơ cấp là 3/18 = 16,7%.

- Xây dựng Quy chế và triển khai thực hiện quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ UBND thị trấn ra Quyết định số 273/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 về việc ban hành quy chế làm việc của UBND nhiệm kỳ 2021-2026 và tổ chức thực hiện tốt quy chế.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ:**

- Thực hiện tốt Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt danh mục, chức danh, vị trí việc làm, UBND thị trấn bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với tiêu chuẩn quy định. Biên chế được giao là 22 biên chế, số hiện có 18 (thiếu 02 cán bộ (Phó Chủ tịch UBND và Bí thư Đoàn thanh niên); 02 công chức (Địa chính đất đai và Văn hóa xã hội).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Quý I chưa có đ/c nào tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

#### **5. Cải cách tài chính công**

- Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: UBND thị trấn ra Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở căn cứ tình hình đề cân đối các khoản chi theo hoạt động của đơn vị; Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của UBND thị trấn Như Quỳnh năm 2024

- Tình hình công khai dự toán, quyết toán: Quyết định số 05 /QĐ-UBND ngày 02/01/2024 về việc công bố công khai số liệu trình HĐND thị trấn về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2023 và dự toán ngân sách năm 2024

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị:

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công. Tính đến 01/3/2024 UBND thị trấn Như Quỳnh giải ngân 8.066.841.050 đồng cho 06 công trình cụ thể: Xây dựng nội thất và các hạng mục bổ sung khu trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Như Quỳnh: 4.500.000.000 đồng; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở thị trấn Như Quỳnh: 1.000.000.000 đồng; Trường mầm non thị trấn Như Quỳnh (điểm trường thôn Hành Lạc): 431.926.000 đồng; Cải tạo, nâng cấp đường trục thị trấn Như Quỳnh: 1.000.000.000 đồng; Cải tạo, cơ sở vật chất trường THCS Như Quỳnh: 500.000.000 đồng; Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ngô Xuyên, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm: 621.238.050 đồng.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách. Việc thực hiện thông báo, kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước số 378/TB-KV VI ngày 30/7/2021 đối với UBND thị trấn Như Quỳnh: Hoàn trả nguồn kinh phí thực hiện CCTL: 5.541.354.277 đồng; Hạch toán giảm kết dư tăng chi chuyển nguồn: 2.353.616.747 đồng để theo dõi đủ nguồn CCTL theo quy định; Biên bản làm việc với Đoàn thanh tra của Sở tài chính về thanh tra ngân sách năm 2022 ngày 24/4/2023: Thực hiện hoàn trả nguồn cải cách tiền lương số tiền: 10.264.663.826 đồng.

UBND thị trấn Như Quỳnh đã thực hiện hoàn trả nguồn cải cách tiền lương số tiền là: 9.086.615.484 đồng qua Quyết định số 65 /QĐ-UBND ngày 22/2/2024;

Số tiền còn lại 1.178.048.342 đồng: Trong năm 2023 UBND thị trấn đã sử dụng 403.550.217 đồng cho công tác tăng mức lương cơ bản từ 1.400.000đ lên

1.800.000đ và tăng mức trợ cấp cho cán bộ già yếu nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính Phủ; còn 774.498.125 đồng trong năm UBND thị trấn sẽ tiếp tục thực hiện trong thời gian tới theo đúng kết luận của Kiểm toán nhà nước và thanh tra Sở tài chính.

Việc thực hiện Kết luận số 09/KL-TTT ngày 11/1/2023 về việc thanh tra trách nhiệm của chủ tịch UBND thị trấn Như Quỳnh trong việc quản lý, sử dụng đất và thực hiện kế hoạch 93a/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên (thời kỳ thanh tra từ năm 2017-2021): Đối với công trình Cải tạo, nâng cấp đường trục thị trấn Như Quỳnh tồn tại về kinh tế với giá trị là 24.026.000 đồng do dự toán thiết kế tính thừa (khối lượng bãi đúc sẵn kết cấu kiện bê tông thực tế thi công giảm khối lượng so với hợp đồng đã ký kết); UBND thị trấn Như Quỳnh đã thực hiện loại bỏ giá trị 24.026.000đ đối với khối lượng bãi đúc sẵn kết cấu kiện bê tông thực tế thi công giảm khối lượng so với hợp đồng đã ký kết và quyết toán A-B. Hiện tại công trình đang trình quyết toán lên phòng Tài Chính Kế hoạch huyện Văn Lâm;

Việc thực hiện Kết luận số 02/KL-TTTr ngày 18/3/2022 của Thanh tra sở xây dựng Hưng Yên về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thị trấn Như Quỳnh: Công trình: Cải tạo đường GT thôn Ngô Xuyên, thị trấn Như Quỳnh (đoạn từ nhà văn hóa đến nghĩa trang thôn, nhánh từ Cống Sắt đến cống Ba Xuân); Công tác quản lý chất lượng công trình: Đã lập bản vẽ hoàn công; Kết quả kiểm tra hiện trường; Khe co dãn và khe lún đã hoàn thiện; Các vị trí cống thoát nước đã được thể hiện đầy đủ thông tin lý trình trên bình đồ tuyến và trên bản vẽ thiết kế chi tiết của từng cống; Đoạn mương xây ngắn, cục bộ và mặt cắt nhỏ, xây lại trên cơ sở mương đã có từ trước nhưng do xuống cấp nên không đưa vào tính toán; công trình đã triển khai xong đang tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng; Công trình: Cải tạo, nâng cấp đầu tư xây dựng đường trục thôn Ngô Xuyên, đoạn từ ngã ba cống đình đến bờ hồ đội 7: Đã hoàn thiện nhật ký thi công, vật liệu đầu vào, công tác đảm bảo an toàn lao động; hạng mục tường chắn BTCT đã tổ chức lấy mẫu thí nghiệm, Hiện nay công trình đang triển khai thi công; Công trình: Nhà Công trình trường mầm non thị trấn Như Quỳnh (điểm trường thôn Hành Lạc) Hiện nay công trình đang triển khai thi công; Công trình: Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Như Quỳnh Hiện nay đang thi công.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

Ngày 29/12/2023 UBND thị trấn ban hành Quyết định số 983/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của UBND thị trấn Như Quỳnh năm 2024 đảm bảo đúng quy định của pháp luật đồng thời yêu cầu các cán bộ, công chức của UBND thị trấn thực hiện đúng quy chế đã ban hành.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý hành chính, cập nhật 100% văn bản đến - đi trên phần mềm quản lý và điều hành văn bản; 100% thực hiện sử dụng chữ ký số văn bản điđảm bảo theo quy định.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc TCVN ISO 9001:2015, đã quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 áp dụng hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Chỉ đạo, triển khai xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tại cơ quan, đơn vị: BCD chuyển đổi số thị trấn đã ban hành QĐ thành lập kênh giao tiếp giữa lãnh đạo thị trấn với người dân và kèm theo quy định về việc đăng tin bài trên trang Zalo kênh giao tiếp; thông qua QĐ và quy định về sử dụng kênh Zalo trực tuyến; giao nhiệm vụ cho các chi bộ, trưởng các thôn, phổ về tổ chức hướng dẫn cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cài đặt ứng dụng VNID trên điện thoại phục vụ cung cấp dịch vụ công trên môi trường mạng.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Mặt tích cực**

UBND thị trấn đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành trọng tâm, kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển của địa phương; xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu, nội dung, bước đầu hoàn thành các nhiệm vụ theo tiến độ được giao, đáp ứng yêu cầu nhằm đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ hiện đại hóa hành chính công. Phần mềm một cửa điện tử và quản lý văn bản đưa vào sử dụng đã góp phần thực hiện công tác cải cách hành chính. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được đảm bảo, phát huy tốt vai trò của người đứng đầu cơ quan trong cải cách hành chính.

#### **2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

- Nhận thức của một số người dân về pháp luật trên một số lĩnh vực còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện các thủ tục hành chính.

- Công chức làm nhiệm vụ CCHC là kiêm nhiệm, cùng lúc phải thực hiện nhiều công việc khác nhau, dẫn đến việc rà soát, kiểm soát TTHC, công tác triển khai, tham mưu đẩy mạnh CCHC chưa sáng tạo.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM**

- Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tuyên truyền có hiệu quả tới toàn thể cán bộ công chức các văn bản của cấp trên, của thị trấn về công tác CCHC; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết công việc; thường xuyên cập nhật thông tin về CCHC trên cổng thông tin điện tử của huyện.

- Chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND của Chủ tịch UBND huyện về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tổ chức;

- Thường xuyên đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để phục vụ tốt hơn người dân, tổ chức đến thực hiện giao dịch tại cơ quan, đơn vị được tốt hơn.

#### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Cải cách hành chính có khối lượng công việc lớn, liên quan đến nhiều công việc khác nhau nên đề nghị tiếp tục hỗ trợ kinh phí để đảm bảo trang thiết bị đầy đủ, hiện đại và các phần mềm hỗ trợ trong quá trình giải quyết TTHC cho Bộ phận TN&TKQ; đồng thời đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác CCHC;

- Ứng dụng công nghệ thông tin (tích hợp các phần mềm dùng chung) trong công tác quản lý nhà nước. Nâng cấp phần mềm quản lý và điều hành văn bản làm sao thông minh hơn, sử dụng thuận tiện hơn nữa.

- Tăng cường hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho các cán bộ đầu mối thực hiện kiểm soát TTHC.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I/2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm, UBND thị trấn trân trọng báo cáo UBND huyện, Phòng Nội vụ huyện Văn Lâm./.

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**Chủ tịch**

**Vũ Văn Sứ**





**Phụ lục**  
**Thống kê số liệu về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>			
1.	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	<b>08</b>	
2.	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	<b>26,6</b>	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	79	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	21	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</b>			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	93	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	85	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước</b>	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
6.	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng</b>	Không = 0		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<b>doanh nghiệp</b>	Có = 1		
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>			
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL</b>	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL đã ban hành hoặc tham mưu ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>			
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục		
1.4.1.	Số TTHC các sở, ban, ngành	Thủ tục		
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
1.4.3.	Số TTHC cấp xã	Thủ tục		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>		
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>		
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>			
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Sở, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Hoàn thành = 1; chưa hoàn thành = 0		
1.2.	UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Hoàn thành = 1; chưa hoàn thành = 0		
1.3.	Số ban, chi cục, trung tâm trực thuộc	Cơ quan, đơn vị		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do sở, ban, ngành tham mưu thành lập	Tổ chức		Chỉ báo cáo các

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				tổ chức vẫn đang hoạt động (VD: Ban Chỉ đạo, Đoàn kiểm tra...)
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>			
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số phòng chuyên môn và tương đương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (tính cả các đơn vị đã thực hiện rà soát VTVL khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (tính cả các đơn vị đã thực hiện rà soát VTVL khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
<b>3.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>			
3.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		
3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		
3.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người		
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>			
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) trực thuộc (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số đơn vị SNCL	Đơn vị		
2.2.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số đơn vị SNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.6.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
<b>VII</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>			
<b>1.</b>	<b>Sử dụng, khai thác đúng kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất của tỉnh</b>	Không đúng quy định = 0 Đúng quy định = 1		
<b>2.</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b>			
2.1	Hệ thống hợp trực tuyến	Chưa có = 0 Đã có = 1		
2.2	Liên thông từ UBND cấp huyện đến 100% cấp xã	Chưa hoàn thành = 0 Hoàn thành = 1		
<b>3.</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%		
<b>4.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
4.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
4.1.1	Sở, ban, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1		
4.1.2	UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1		
4.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
4.2	Tỷ lệ văn bản đi dưới dạng điện tử của cơ quan, đơn vị (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
4.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh	%		
4.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%		
4.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3	Xây dựng, vận hành, sử dụng Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
4.3.1	Sở, ban, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	Hoạt động tốt = 1; Hoạt động chưa hiệu quả = 0		
4.3.2	Cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	Hoạt động tốt = 1; Hoạt động chưa hiệu quả = 0		
4.3.3	Cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	Hoạt động tốt = 1; Hoạt động chưa hiệu quả = 0		
<b>5.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
5.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
5.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	88	
5.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	88	
5.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	18	
5.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
5.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	28	
5.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	28	
5.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	8	
5.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
5.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	1058	
5.3.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	1058	
5.4	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
5.4.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	10	
5.4.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên	Thủ tục	10	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh			